

Bản án số: 263/2021/DS-PT

Ngày: 10-12-2021

"V/v tranh chấp về hợp đồng tín
dụng (vay tài sản)"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm
2020, về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019
của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2021/QĐ-PT ngày
21 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 257A ngày
13/7/2021, Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số: 389/TB-TA ngày
21/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 293/2021/QĐ-PT ngày
16/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP xăng dầu P (P Bank);

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc;
Địa chỉ: Tầng A, B và C Tòa nhà Mipeco, D T.S, TP. Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân
hàng TMCP xăng dầu P - Chi nhánh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Số E – G, đường N.H, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn H1 ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn L1 – Chuyên viên tư
vấn tài chính cá nhân;

Địa chỉ: Số K, N.T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967;

- 2.2. Anh Nguyễn Quốc V1, sinh năm 1990;
Cùng địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Trần Thị L2, sinh năm 1928 (đã chết);
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị L2 gồm:
- 3.1. Ông Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1927 (chồng bà L2, đã chết);
3.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1947 (Con bà L2, đã chết);
3.3. Ông Nguyễn Văn N6, sinh năm 1949 (Con bà L2);
3.4. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1954 (Con bà L2);
Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.5. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1957 (Con bà L2);
Cùng địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.6. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1958 (Con bà L2);
Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.7. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965 (Con bà L2);
Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.8. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 (Con bà L2);
Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Quốc V1 (Là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) xăng dầu P1 ủy quyền cho anh Nguyễn Tấn L1 trình bày:

Ngày 12/9/2014, Ngân hàng TMCP xăng dầu P - Chi nhánh Đồng Tháp và ông Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Quốc V1 (con ông T1) có ký Hợp đồng tín dụng số 09/2014/HĐHM/NH-TN/PGB/0019 để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay sản xuất lúa và nuôi vịt, lãi suất 11,52%/năm. Thực hiện hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn và Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1 số tiền 270.000.000 đồng, chia thành 02 đợt, cụ thể: đợt 1 giải ngân số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 15/9/2014 và đợt 2 giải ngân số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 01/12/2014.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên ông Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Quốc V1 và bà Trần Thị L2 (mẹ ông T1) có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09/2014/HĐTC/PGB/0018 ngày 12/9/2014 cho Ngân hàng, quyền sử dụng đất diện tích 2.307m² thuộc thửa 214; diện tích 14.125m² thuộc thửa 836 và diện tích 985m² thuộc thửa 211, cùng tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1. Tuy nhiên, trong quá trình vay ông T1 và anh V1 đã không thực hiện việc trả nợ đúng như hai bên đã thỏa thuận ký kết và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T1 và anh V1 trả nợ nhưng

ông T1 và anh V1 vẫn không trả (ông T1, anh V1 có trả được cho Ngân hàng 6.000.000 đồng lãi).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Quốc V1 và bà Trần Thị L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 số tiền còn nợ là 492.918.000đồng, trong đó vốn là 270.000.000đồng, lãi là 222.918.000đồng (tính đến ngày 25/11/2019) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 12/9/2014 cho đến ngày thanh toán xong nợ; yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 09/2014/HĐTC/PGB/0018 ngày 12/9/2014 để đảm bảo thu hồi nợ. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc V1 trình bày: Anh là con của ông T1 và cháu nội bà L2; anh không có vay tiền, cũng không ký tên vào Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng TMCP xăng dầu P1; việc vay tiền của ông T1 thì anh không biết, anh cũng không yêu cầu giám định chữ ký của anh tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp; tại thời điểm năm 2014 thì ông T1, bà L2 đang sống chung với anh. Trong vụ án này, anh không yêu cầu gì và cũng không tranh chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (không yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp). Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP xăng dầu P1. Ngoài ra, anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c, khoản 1 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) xăng dầu P1.

- Buộc ông Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Quốc V1 và bà Trần Thị L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) xăng dầu P1 số tiền 492.918.000đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu, chín trăm mười tám ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng ngày 12/9/2014), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Khi Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) xăng dầu P1, nếu ông Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Quốc V1 và bà Trần Thị L2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) xăng dầu P1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 09/2014/HĐTC/PGB/0018 ngày 12/9/2014 để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất diện tích 2.307m² thuộc thửa 214, diện tích 14.125m² thuộc thửa 836 và diện tích 985m² thuộc thửa 211, cùng tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Quốc V1 và bà Trần Thị L2 phải liên đới chịu 23.716.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.500.000 đồng theo biên lai số 0003162 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 12 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Quốc V1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Quốc V1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện

đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quốc V1; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cụ thể là đề nghị Hội đồng xét xử buộc cá nhân ông Nguyễn Văn T1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu P1 (P Bank) số tiền vay vốn gốc và lãi là 492.918.000 đồng (trong đó vốn gốc là 270.000.000 đồng, lãi suất là 222.918.000 đồng). Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 10/12/2021, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P1, bị đơn anh Nguyễn Quốc V1 có mặt. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T1; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị L2 gồm ông Nguyễn Văn N6, ông Nguyễn Văn H4, ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bị đơn anh Nguyễn Quốc V1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ án, điều tra xác minh chữ ký của anh V1 và bà Trần Thị L2 trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T1. Anh V1 không đồng ý trả số tiền vay cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 (P Bank), vì anh V1 cho rằng anh không có ký vay tiền của Ngân hàng.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày yêu cầu của anh V1 là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ: Tại phiên tòa phúc thẩm anh L1 đại diện theo ủy quyền của phía Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu

là không yêu cầu anh Nguyễn Quốc V1 và bà Trần Thị L2 cùng ông Nguyễn Văn T1 trả nợ cho Ngân hàng mà Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn T1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 25/11/2019 với số tiền là 492.918.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 12/9/2014 ký kết giữa Ngân hàng với ông T1 và buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 (P Bank) số tiền vay còn nợ vốn gốc và lãi là 492.918.000 đồng (trong đó vốn gốc là 270.000.000 đồng và lãi suất là 222.918.000 đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 09/2014/HĐTC/PGB/0018 ngày 12/9/2014 để đảm bảo thu hồi nợ, xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 09/2014/HĐTC/PGB/0018 ngày 12/9/2014 với nội dung ông T1, anh V1 và bà L2 cùng thống nhất thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 2.307m², thuộc thửa 214; diện tích 14.125m², thuộc thửa 836 và diện tích 985m², thuộc thửa 211, cùng tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 đứng tên quyền sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản nợ vay của ông T1 đối với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa hai bên đã được chứng thực hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09/2014/HĐTC/PGB/0018 ngày 12/9/2014 để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc V1 và sửa một phần bản án sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh V1 và sửa một phần bản án sơ thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T1 bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Quốc V1 được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác tại phần quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quốc V1.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu P1 (P Bank) số tiền vay vốn gốc và lãi là 492.918.000 đồng (trong đó vốn gốc là 270.000.000 đồng, lãi suất là 222.918.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng số: 09/2014/HĐHM/NH-TN/PGB/0019 ngày 12/9/2014), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu P1 (P Bank), nếu ông Nguyễn Văn T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu P1 (P Bank) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 09/2014/HĐTC/PGB/0018 ngày 12/9/2014 để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất diện tích 2.307m² thuộc thửa 214; diện tích 14.125m² thuộc thửa 836 và diện tích 985m² thuộc thửa 211, cùng tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Về án phí:

5.1. Ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ nộp 23.716.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 (P Bank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP xăng dầu P1 (P Bank) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.500.000 đồng theo biên lai số 0003162 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5.3. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Quốc V1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003719 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao